

→ Truy cập website thak.jp để biết: Chương trình **SALE** - Sản phẩm mới - Lịch về hàng
→ **Đặt hàng** tại website thak.jp hoặc inbox fanpage CHỢ SỸ THAK <https://www.facebook.com/thaksy>

>>> MỤC LỤC:

*Ớt tươi đông lạnh	Trang 1	*Thịt heo	Trang 6-8
*Sản phẩm Sale	Trang 2-3	*Gà - Vịt - Thủy sản	Trang 9
*Thịt bò	Trang 4-5	*Rau củ - TP chế biến sẵn	Trang 10

ỚT TƯƠI ĐÔNG LẠNH



ỚT TƯƠI ĐÔNG LẠNH

Cay nồng - Thơm giòn - Bùng nổ!

Ớt Chi Thiên Việt Nam loại 1 tuyển chọn từng trái, sản phẩm orgainc đạt chuẩn chất lượng, dùng ăn trực tiếp hoặc chế biến nhiều món ăn, giúp tăng sự ngon miệng cho bữa ăn của bạn.



Ớt tươi đông lạnh 250g/túi
730y/kg



Ớt tươi đông lạnh 500g/túi
720y/kg

SẢN PHẨM SALE



GIÁ TỐT!

Ngó sen ngâm chua ngọt hũ 1kg
ハスの茎 (甘酢漬け)

2,000y/kg



GIÁ TỐT!

Khoai mì xay sẵn túi 1kg
冷凍挽き キャッサバ

800y/kg



SALE

Bắp ngọt bào sẵn túi 500g
Phù hợp nấu súp, chè...

500 470y/túi



SALE

Tổ ong/ Sách dê
ヤギの胃腸

800 660y/kg



GIÁ TỐT!

Cá cam 1 nắng ướp muối ớt

1,009y/kg



SALE

Bắp bò Úc loại 1 nguyên thùng 27.2kg
【オーストラリア産】牛スネ

1,450y/kg



SALE

Bắp bò - Túi CK ~1kg
牛スネ

1,490y/kg



SALE

Chân gà dài nguyên thùng
鶏モミジ

410 370y/kg



SALE

Dồi trường túi ~5kg
豚コブクロ

830 708y/kg



SALE

Dồi trường túi CK ~1kg
豚コブクロ

900 778y/kg



SALE

Chân gà dài túi thường ~1kg
鶏モミジ

435 395y/kg

SALE



Bao tử nguyên thùng
豚ガツ

~~530~~ **410y/kg**

SALE



Bao tử túi CK 1~1,5kg
豚ガツ

~~600~~ **480y/kg**

SALE



GIÁ TỐT!

Vịt CP 1,6~1,7kg
アヒル (ダック)

1,205y/con

SALE



Lưỡi heo nguyên thùng
豚タン

~~900~~ **808y/kg**

SALE



Lưỡi heo túi CK ~1kg
豚タン

~~970~~ **878y/kg**

SALE



GIÁ TỐT!

Vịt CP nửa con
アヒル (ダック)

660y/túi

SALE



Mỡ heo nguyên thùng
豚脂肪

~~400~~ **340y/kg**

SALE



Mỡ heo túi thường ~1kg
豚脂肪

~~450~~ **390y/kg**

SALE



SALE

Đùi vịt (túi ~2kg)
骨付きアヒルモモ

~~1,310~~ **1,110y/kg**

THỊT BÒ

売り切れ



Bắp bò Hà Lan - Nguyên bắp
【ポーランド産】牛スネ

1,370y/kg

売り切れ



Bắp bò Hà Lan - Cắt, túi thường
【ポーランド産】牛スネ

1,390y/kg



Bắp bò XANH (Úc) - Nguyên bắp
【オーストラリア産】牛スネ

1,620y/kg



Bắp bò - LỖI HOA
牛スネ(選択品)

1,750y/kg



Ba chỉ bò - Túi CK
牛バラ

1,060y/kg



Sườn bò - Nguyên tảng
牛リブ

1,660y/kg



Sườn bò cắt dọc - Túi CK
牛リブ (カット)

1,740y/kg



Sườn bò cắt ngang 2cm - Túi CK
牛リブ (カット)

1,800y/kg



Gân bò trắng nguyên thùng
牛アキレス

930y/kg



Gân bò trắng - Túi CK ~1kg
牛アキレス

980y/kg

売り切れ



Gân bò có thịt túi 500g
肉付き牛すじ

990y/kg

売り切れ



Gân bắp bò nguyên thùng
牛アキレス腱

760y/kg

売り切れ



Gân bắp bò - Túi CK ~1kg
牛アキレス腱

780y/kg

売り切れ



Diềm bò (harami/sagari)
牛ハラミ

1,600y/kg



Xương ống bò chưa cắt
牛骨

350y/kg



Xương ống bò cắt sẵn
牛骨 (カット)

390y/kg



Xương ống bò cắt sẵn túi thường ~1kg
牛骨 (カット)

440y/kg

売り切れ



Tổ ong bò đen
牛ハチノス (黒)

790y/kg

売り切れ



Tổ ong bò làm sạch - Nguyên thùng
牛ハチノス

960y/kg

売り切れ



Tổ ong bò làm sạch - Túi CK ~1kg
牛ハチノス

1,030y/kg

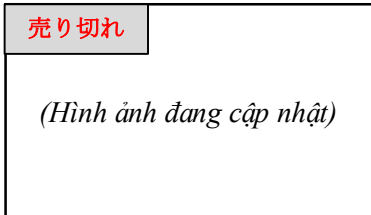
売り切れ



Nạc mông bò Úc
【オーストラリア産】牛ウチモモ

1,790y/kg

売り切れ



Nạc mông bò Úc - Cắt, đóng túi CK ~1kg
【オーストラリア産】牛ウチモモ

1,840y/kg

THỊT HEO



Ba chỉ da nguyên tảng
皮付き豚バラ (骨なし)

1,020y/kg

Ba chỉ da gia công:

- Cắt sẵn, chưa đóng túi: 1,035y/kg
- Túi thường ~1kg: 1,040y/kg
- Túi chân không ~1kg: 1,058y/kg
- Chọn nạc túi thường: 1,105y/kg
- Chọn nạc chân không: 1,120y/kg

SALE



Ba chỉ không da nguyên tảng
豚バラ (皮・骨抜き)

~~1,060~~ **1,040y/kg**

Ba chỉ không da gia công:

- Cắt sẵn, chưa đóng túi: 1,080y/kg
- Túi thường ~1kg: 1,090y/kg
- Túi chân không ~1kg: 1,108y/kg



Bắp heo RÚT XƯƠNG túi CK
皮付き豚スネ (骨なし)

900y/kg



Bắp heo có da xương - Nguyên thùng
皮・骨付き豚スネ

~~710~~ **650y/kg**



Bắp heo có da xương cắt khoanh
皮・骨付き豚スネ (スライス)

~~800~~ **700y/kg**



Bắp heo có da xương cắt khoanh - Túi CK
皮・骨付き豚スネ (スライス)

~~830~~ **730y/kg**



Xương ống heo nguyên thùng
豚骨 (カット)

345y/kg



Sườn già nguyên miếng
豚スペアリブ

920y/kg

Sườn già gia công:

- Cắt ngang, không túi: 960y/kg
- Cắt ngang, túi thường: 980y/kg
- Cắt ngang, túi CK: 990y/kg
- Cắt nhỏ, không túi: 1,020y/kg
- Cắt nhỏ, túi thường: 1,040y/kg
- Cắt nhỏ, túi CK: 1,050y/kg



Xương ống heo túi thường ~1kg
豚骨 (カット)

375y/kg



Sườn non nguyên thùng
豚軟骨

708y/kg

Sườn non gia công:

- Cắt ngang không túi: 768y/kg
- Cắt ngang túi thường: 798y/kg
- Cắt ngang túi CK: 818y/kg



Móng heo nguyên cái nguyên thùng
豚足

280y/kg

Móng heo nguyên cái gia công:

- Túi thường ~1kg: 290y/kg
- Túi chân không ~1kg: 310y/kg
- Bỏ dục: 320y/kg



Da heo loại A nguyên thùng
豚皮

500y/kg



Móng heo cắt khoanh chưa đóng túi
豚足 (輪切)

370y/kg

Móng heo cắt khoanh gia công:

- Túi thường ~1kg: 380y/kg
- Túi chân không ~1kg: 390y/kg
- Móng cắt khoanh, bỏ cùi, túi chân không ~1kg: 405y/kg



Da heo loại A túi CK ~1kg
豚皮

570y/kg



Móng heo cắt nhỏ chưa đóng túi
豚足 (六分カット)

390y/kg

Móng heo cắt nhỏ gia công:

- Túi thường ~1kg: 420y/kg
- Túi chân không ~1kg: 440y/kg



Lòng non sạch cuống túi thường
脂肪抜き豚小腸

660y/kg

売り切れ



Gan heo nguyên thùng
豚レバー

320y/kg



Tai heo nguyên thùng
豚ミミ

430y/kg



Tai heo túi CK ~1kg
豚ミミ

490y/kg

売り切れ



Gan heo túi CK ~1kg
豚レバー

390y/kg



Diêm heo nguyên thùng
豚ハラミ

640y/kg



Diêm heo túi CK ~1kg
豚ハラミ

710y/kg



Tim heo nguyên thùng

豚ハツ

409y/kg



Cuồng họng nguyên thùng

豚ノド

389y/kg



Cuồng họng túi CK ~1kg

豚ノド

459y/kg



Tim heo túi CK ~1kg

豚ハツ

479y/kg



Đuôi heo nguyên thùng

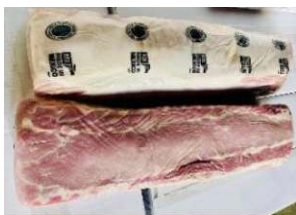
豚テール

~~590~~ **470y/kg**

SALE

Đuôi heo gia công:

- Cắt chưa đóng túi: 490y/kg
- Cắt đóng túi thường: 500y/kg
- Cắt đóng túi CK: 540y/kg



Cốt lết không xương nguyên tảng

豚ロース (骨なし)

870y/kg



Cốt lết không xương cắt lát túi CK

豚ロース (骨なし) スライス

1,010y/kg



Mông heo có da nguyên tảng

豚モモ 皮付き

905y/kg



Thịt heo xay

豚ミンチ

920y/kg

GÀ - VỊT - THỦY SẢN



Gà dai loại ngon ~1kg
Kiện 26 con
440y/con

売り切れ



Gà dai loại ngon ~1,2kg
Kiện 20 con
528y/con

売り切れ



Gà dai loại ngon ~1,4kg
Kiện 16 con
609y/con

売り切れ



Gà chân đen Nagoya Cochín
Kiện 18 con
1,235y/con



Chân gà ngắn nguyên thùng
鶏ショートモミジ
250y/kg



Chân gà ngắn túi thường ~1kg
鶏ショートモミジ
300y/kg

SALE



Cá lóc làm sạch nguyên con (có đầu)
ライギョ 魚
~~860~~ **812y/kg**

SALE



Cá rô phi nguyên con
ティラピア 魚
~~680~~ **630y/kg**

SALE



Cò ốc bươu 450g/khay
カタツムリ
~~405~~ **283y/khay**

SALE



Cá lóc cắt khúc 450g/khay
ライギョ 魚 カット
~~435~~ **370y/khay**

SALE



Tép đồng 450g/khay
小エビ
~~455~~ **293y/khay**

SALE



Cá giò biển ướp muối ớt túi ~500g
~~1,260~~ **808y/kg**

SALE



Cua đồng xay 200g/túi
カニのピューレ
~~202~~ **137y/túi**

SALE



Chả cá thác lát 200g/túi
ナイフフィッシュのすり身
~~322~~ **247y/túi**

SALE



Cá thu phi lê đóng khay
さわら フィレ
~~2,510~~ **2,008y/kg**

RAU CỦ QUẢ - THỰC PHẨM CHẾ BIẾN SẴN

売り切れ



Set lòng dồi sống (~500g/khay)

604y/khay



Set lòng dồi sống (~1kg/khay)

1,110y/kg



Lòng tiết (400~500g/khay)

1,509y/kg

売り切れ



Dồi sụn sống (~400g/khay)

1,610y/kg



Dồi sụn chiên sẵn (~500g/khay)

1,710y/kg

(Hình ảnh đang cập nhật)

Bánh khoai mì nướng (túi 1kg)

1,300y/kg

(Hình ảnh đang cập nhật)

Bánh khoai mì nướng (túi 500g)

700y/kg

PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG SẴN ĐỦ KIỆN

Quý khách mua hàng đủ kiện hoặc ghép đủ kiện sẽ được áp dụng bao ship/ miễn ship theo quy định sau:

Tỉnh	Phí ship/ kiện	
	Đông/ Mát	Thường
Vùng Chuubu: Niigata - Toyama - Ishikawa - Fukui - Yamanashi - Nagano - Gifu - Shizuoka - Aichi	Miễn ship	Miễn ship
Vùng Kansai: Mie - Shiga - Kyoto - Osaka - Hyogo - Nara - Wakayama		
Vùng Kanto: Ibaraki - Tochigi - Gunma - Saitama - Chiba - Tokyo - Kanagawa		
Vùng Chuugoku: Tottori - Shimane - Okayama - Hiroshima - Yamaguchi	Phụ ship: 230	Miễn ship
Vùng Shikoku: Tokushima - Kagawa - Ehime - Kochi		
Vùng Touhoku (1): Miyagi - Yamagata - Fukushima		
Vùng Touhoku (2): Aomori - Iwate - Akita	Phụ ship: 380	Miễn ship
Vùng Kyushu (1): Kumamoto - Miyazaki - Kagoshima		
Vùng Kyushu (2): Fukuoka - Saga - Nagasaki - Oita	Phụ ship: 345	Miễn ship
Hokkaido	1,490	500

*Khách Hokkaido là Pháp nhân: Miễn phụ ship thường

PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG KHÔNG ĐỦ KIỆN

Tỉnh	Phí ship/ kiện	
	Đông/ Mát	Thường
Hokkaido	3,200	1,900
Các tỉnh còn lại	2,050	1,370

HÌNH THỨC THANH TOÁN: Thanh toán 1 trong 2 hình thức sau:

*Nhận hàng trả tiền (daibiki), phí thu hộ daibiki như sau:

Tổng tiền thu hộ/ daibiki	Mức phí
< 10,000	330
< 30,000	440
< 100,000	660
< 300,000	1,100
≥ 300,000	Chỉ nhận chuyển khoản trước tiền hàng

*Chuyển khoản trước vào tài khoản sau:

静岡銀行 (shizuoka)
浜松営業支店 (Hamamatsu)
普通：1678352 ティーエイチエーケー(カ)